TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PT
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 194/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27/4/2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thành Thuận

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Ngọc Anh
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hoàng Nam - Thư ký viên Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT chính thức:*** Ông Lê Thanh Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 504/2022/TLST- HNGĐ, ngày 12/12/2022 tranh chấp Hôn nhân và gia đình về "*ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 3 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 66/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 11/4/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1987. Nơi cư trú: tổ 2, ấp Bình P1, xã PB, huyện PT, tỉnh An Giang. (đề nghị vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Thái Hoàng N, sinh năm 1984. Nơi cư trú: tổ 7, ấp Bình T1, xã BTĐ, huyện PT, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải không được chị Nguyễn Thị Đ có lời trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: nguyên trước đây anh chị được mai mối với nhau, được cha, mẹ hai bên đồng ý sau đó tiến tới hôn nhân vào đầu năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã BTĐ vào ngày 16/9/2008 theo quy định. Quá trình chung sống với nhau được hạnh phúc cho đến năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do: vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, tính tình không

hợp nhau nên chị Đ bỏ về nhà cha, mẹ ruột sống ly thân cho đến nay; từ khi sống ly thân cho đến nay chị và anh N cũng không có hàn gắn, liên hệ qua lại với nhau nữa, chị Đ nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn chung sống lại với nhau được nữa. Nay chị Đ cương quyết yêu cầu ly hôn với anh Thái Hoàng N.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống anh chị có 01 người con chung tên Thái Hoàng T, sinh ngày 05/12/2007 hiện đang chung sống với anh N. Chị Đ đồng ý giao con chung cho anh Thái Hoàng N được tiếp tục nuôi dưỡng đến thành niên và tự lập được, không phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về quan hệ tài sản chung; nợ phải thu và phải trả: chị Điều khai không có, không yêu cầu xem xét giải quyết. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

- Bị đơn anh Thái Hoàng N vắng mặt từ khi Tòa án thụ lý đến khi xét xử nên không có lời trình bày.

- Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT về việc Thẩm phán, HĐXX, Thư ký và các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh Thái Hoàng N được tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh Thái Hoàng N vẫn vắng mặt căn cứ Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh N. Về nội dung vụ án: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Thái Hoàng N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ; quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và ly thân thời gian dài không hàn gắn được phù hợp với xác nhận của bà Phạm Thị Mỹ L là mẹ ruột của anh Thái Hoàng N cũng xác nhận anh N và chị Đ thời gian dài không chung sống và có nói cho anh N biết cũng đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị Đ nên yêu cầu của chị Đ về xin ly hôn là có căn cứ pháp luật. Về con chung tên Thái Hoàng T hiện đang chung sống với anh N nên cần ổn định cuộc sống cho cháu T, phù hợp nguyện vọng cháu T muốn sống với anh N, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Đ giao cho anh N được tiếp tục nuôi con chung. Chị Đ chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về hình thức, thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Đ có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về "*ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Thái Hoàng N, sinh năm 1984. Nơi cư trú: tổ 7, ấp Bình T1, xã BTĐ, huyện PT, tỉnh An Giang. Theo quy định tại

điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang.

1.3 Về thủ tục tố tụng: bị đơn anh Thái Hoàng N được tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh Thái Hoàng N vẫn vắng mặt tại phiên tòa; chị Đ có đề nghị vắng mặt nên HĐXX căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Thái Hoàng N và chị Nguyễn Thị Đ.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Đ và anh Thái Hoàng N có đăng ký kết hôn (giấy chứng nhận kết hôn số 165/2008, ngày 16/9/2008 do UBND xã B TĐ, huyện PT cấp cho anh chị) đây là hôn nhân được pháp luật bảo vệ và giải quyết khi có mâu thuẫn xảy ra. Căn cứ chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện, hôn nhân của anh chị được xác lập từ năm 2007 trên cơ sở tìm hiểu nhau tiến tới hôn nhân, thời gian chung sống có hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly thân, lý do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, tính tình không hợp nhau nên chị Đ bỏ về nhà cha, mẹ ruột sống ly thân một thời khá dài từ năm 2008 cho đến nay. Từ những lý do trên tình cảm vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đồng thời từ khi ly thân cho đến nay, cũng như từ khi Tòa án thụ lý yêu cầu ly hôn của chị Đ phía anh N biết nhưng không có thiện chí hàn gắn tình cảm; không còn quan tâm về hôn nhân này, cũng phù hợp với xác nhận của bà Phạm Thị Mỹ L là mẹ ruột của anh Thái Hoàng N cũng xác nhận anh N và chị Đ thời gian dài không chung sống và có nói cho anh N biết cũng đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị Đ nên HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

2.2 Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống chị Đ xác nhận có 01 người con chung tên Thái Hoàng T, sinh ngày 05/12/2007 hiện đang chung sống với anh N. Chị Đ đồng ý giao con chung cho anh Thái Hoàng N được tiếp tục nuôi dưỡng đến thành niên và tự lập được, không phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định. Từ khi ly thân cho đến nay cháu T chung sống với anh N được trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc ổn định và ăn học đầy đủ như bao đứa trẻ khác; phù hợp với nguyện vọng của cháu T là muốn chung sống với anh N và ông bà nội cháu. Từ đó, xét thấy hoàn cảnh và điều kiện trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chưa thành niên của anh N là đảm bảo, cần giữ ổn định cuộc sống cho cháu T nên HĐXX chấp nhận sự tự nguyện của chị Đ đồng ý giao con chung cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.3 Về quan hệ tài sản chung và nợ phải thu, phải trả: chị Đ khai không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét, nhưng sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ, chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[3]. Về án phí DSST: chị Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: chị Nguyễn Thị Đ và anh Thái Hoàng N có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 3; khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Đ đối với anh Thái Hoàng N.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn với anh Thái Hoàng N.

2. Về quan hệ con chung:

2.1 Giao 01 người con chung tên Thái Hoàng T, sinh ngày 05/12/2007 cho anh Thái Hoàng N được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc đến thành niên và tự lập được. Chị Nguyễn Thị Đ chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

2.2 Anh Thái Hoàng N trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở mà phải tạo mọi điều kiện thuận lợi khi chị Nguyễn Thị Đ đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

2.3 Vì lợi ích của con chung khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1 Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu án phí về hôn nhân là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng do chị Nguyễn Thị Điều đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005856, ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT, tỉnh An Giang.

2.2 Anh Thái Hoàng N không phải chịu án phí.

Chị Nguyễn Thị Đ và anh Thái Hoàng N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện PT;
- CCTHADS huyện PT;
- TAND tỉnh An Giang;
- Lưu: hồ sơ vụ án, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trần Thành Thuận